

Bản án số: 68/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2026

V/v: *Tranh chấp Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Út

2. Bà Trần Thị Tuyết Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thế Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh ngày 01/11/1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số D, khóm A, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh ngày 10/11/1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số F, khóm C, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như biên bản không tiến hành hoà giải nguyên đơn bà Lê Thị L theo trình bày:

Vào năm 2006 do người khác giới thiệu nên bà mới biết ông Huỳnh Thanh T, quen biết từ khi 01 năm gia đình hai bên tổ chức đám cưới, sau đó bà L và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118

ngày 05/12/2006.

Sau khi kết hôn thì bà L và ông T thuê nhà trọ ở Vĩnh Long để sinh sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có con ngoài ý muốn nên ông T không đồng ý, bỏ bê vợ con không lo, Đến tháng 11 năm 2008 bà L về nhà cha mẹ ruột sống được 02 năm, ông T nhiều lần liên lạc gọi bà L về nhà. Sau khi bà L về thì ông nói sẽ lo lắng cho vợ con nhưng ông không thực hiện. Đến tháng 8 năm 2020 có cự cãi nên bà L dọn ra ngoài ở vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Bà L nhận thấy không còn tình cảm yêu thương với ông T, yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 06/9/2007, hiện nay con đã trưởng thành bà L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Lê Thị L không yêu cầu giải quyết.

Ngày 16/3/2026, bà Lê Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Lý do bận đi làm xa không tham dự phiên tòa.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải triệu tập ông Huỳnh Thanh T đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, ông T không có ở nhà nên Tòa án đã thông báo niêm yết công khai theo quy định pháp luật, đến ngày làm việc, ông T không đến và không gửi bản khai ý kiến gì về việc bà Lê Thị L yêu cầu ly hôn với ông, do bị đơn đã triệu tập 02 lần không đến, căn cứ Điều 220, 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vắng mặt, do có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Huỳnh Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thông báo niêm yết công khai theo quy định pháp luật 02 lần đến Tòa án tham dự phiên tòa xét xử, ông T không đến vẫn vắng mặt. Bà Lê Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt đối với ông Huỳnh Thanh T và bà Lê Thị L.

[1.2] Bà Lê Thị L yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Thanh T đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Ông Huỳnh Thanh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số F, khóm C, phường P, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân khu vực 1-Vĩnh Long, được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Lý D kết hôn với ông Huỳnh Thanh T, sau đó cả hai đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (*nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 05/12/2006, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Xét về mâu thuẫn bà L có lời trình bày vợ chồng chung sống bất đồng ý kiến và mâu thuẫn do có con ngoài ý muốn nên ông T không đồng ý, bỏ bê vợ con không lo, Đến tháng 11 năm 2008 bà L về nhà cha mẹ ruột sống được 02 năm, ông T nhiều lần liên lạc gọi bà L về nhà. Sau khi bà L về thì ông nói sẽ lo lắng cho vợ con nhưng ông không thực hiện. Đến tháng 8 năm 2020 có cự cãi nên bà L dọn ra ngoài ở vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị L có đơn xin vắng mặt và ông Huỳnh Thanh T vắng mặt. Xét hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Huỳnh Thanh T đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về nuôi con chung: Có 01 con chung Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 06/9/2007, hiện nay con đã trưởng thành bà L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 9, 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

2. Về con chung: Có 01 con chung Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 06/9/2007, hiện nay con đã trưởng thành bà L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0013202 ngày 29/12/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Lê Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Huỳnh Thanh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết công khai tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Điệp